TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 905/2023/DS-ST.
Ngày: 29 - 9 - 2023
V/v tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 03 năm 2022 về "Tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 519/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 381/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Liêu Khả T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: I ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng A (có mặt).

Địa chỉ: Thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: 8 ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Văn A1, sinh năm 1955. (vắng mặt)

Địa chỉ: 8 ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trẻ Đỗ Phi Y, sinh ngày 09/12/2015.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Y: Bà Liêu Khả T, sinh năm 1995 (mẹ ruột).

Địa chỉ: I ấp D, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2015 bà Liêu Khả T kết hôn với ông Đỗ Hoài P, quá trình chung sống, vợ chồng bà T, ông P có 01 người con tên Đỗ Phi Y, sinh năm 2015, năm 2021 ông P chết, ba mẹ ông P là ông Đỗ Văn A1 và bà Lê Thị C. Ông P chết không để lại di chúc.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà T, ông P có tài sản chung gồm:

- Xe Vison biển số 50Y1 - 033.19.

- Xe Vison biển số 59G2 - 466.66.

- Xe Cup 125 biển số 50Y1 - 538.95

- Xe 05 chỗ hiệu Mazda CX5, biển số 51G-867.61.

Tất cả tài sản trên do bà Lê Thị C đang quản lý sử dụng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà C, ông A1 giao tài sản của vợ chồng bà T cho bà T nhưng bà C không đồng ý. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản trên như sau:

Yêu cầu chia các tài sản gồm: Xe Vison biển số 50Y1 - 033.19; Xe Vison biển số 59G2 - 466.66; Xe Cup 125 biển số 50Y1 - 538.95; Xe 05 chỗ hiệu Mazda CX5, biển số 51G-867.61.

Do tất cả tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng bà trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị được chia đôi.

Phần còn lại chia làm 04 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Liêu Khả T, trẻ Đỗ Phi Y, ông Đỗ Văn A1, bà Lê Thị C.

Đối với xe Wave alpha biển số 59Y1 - 252.37 là tài sản riêng của ông P trước thời kỳ hôn nhân, tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn xác định lại không yêu cầu chia.

Bà T yêu cầu được nhận 01 xe 05 chỗ hiệu Mazda CX5, biển số 51G-867.61, bà T sẽ hoàn trả lại tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế, các tài sản còn lại bà giao cho bà C được quyền sở hữu, bà C có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông A1 trị giá chênh lệch.

Ngày 25/11/2022, bà T có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu phân chia di sản do ông Đỗ Hoài P chết để lại gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ: CS14574 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 01/02/2018,

thuộc thửa đất số 812, tờ bản đồ số 31, diện tích 112 m^2 tọa lạc ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ: CS14573 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 01/02/2018, thuộc thửa đất số 812, tờ bản đồ số 31, diện tích 111 m^2 tọa lạc ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ: CS14619 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 05/03/2018, thuộc thửa đất số 925, tờ bản đồ số 21, diên tích 170,6 m^2 tọa lạc ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ: CS15028 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 27/6/2018, thuộc thửa đất số 815, tờ bản đồ số 31, diên tích 109 m^2 tọa lạc ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ: CS20070 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/7/2021, thuộc thửa đất số 814, tờ bản đồ số 31, diên tích 110 m^2 tọa lạc khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ: CS20078 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 12/7/2021, thuộc thửa đất số 817, tờ bản đồ số 31, diên tích 106 m^2 tọa lạc khu phố L, phường L, Thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Yêu cầu phân chia cụ thể như sau: Toàn bộ tài sản nêu trên, bà T nhận 50%, còn lại 50% chia đều cho 04 kỹ phần bằng nhau gồm: Liêu Khả T, Lê Thị C, Đỗ Văn A1, trẻ Đỗ Phi Y.

Ngoài ra, tại đơn khởi kiện bà có yêu cầu phần nợ chung: Nợ của Ngân hàng TMCP Q 60.000.000 đồng khi mua xe trả góp, sau khi ông P chết bà đã trả hết số tiền này cho ngân hàng.

Sau đó, bà T đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện bổ sung và rút yêu cầu phần nợ chung do bà đã tự nguyện trả rồi.

Bị đơn bà Lê Thị C trình bày tại bản khai ngày 16/5/2022:

Bà và ông Đỗ Văn A1 sống chung với nhau có tất cả 7 người con, trong đó có Đỗ Hoài P (chết năm 2021). Đỗ Hoài P có vợ là Liêu Khả T.

Nay T yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản do P chết để lại là:

1/ Xe Vison biển số 59Y1 - 033.19. Xe này P không đứng tên nhưng đã cho bạn của P rồi.

2/ Xe Vison biển số 59U1 - 867.89. Xe này P không đứng tên nhưng đã cho bạn của P rồi.

3/ Xe Honda Alback biển số 59Y1-724.26. Xe do ông Liêu quốc T1 là ba của T làm chủ sở hữu.

4/ Xe Vison biển số 59G2 - 466.66.

5/ Xe Wave alpha biển số 59Y1 - 252.37

6/ Xe Cup 125 biển số 50Y1 biển số 538.95

7/ Xe 05 chỗ hiệu Maazda, biển số 51G - 867.61.

Các xe theo số thứ tự (4) (5) (6) (7) hiện tại bà đang giữ. Bà yêu cầu được nhận các xe máy còn lại. Riêng chiếc xe 5 chỗ bà đồng ý giao cho Liêu Khả T.

02 chiếc xe đạp bà không có giữ và không biết hiện tại xe đang ở đâu.

Tiền 420.000.000 đồng là tiền của bà cho bạn của P tên là N mượn trước khi bà cưới vợ cho P. Cô T có đòi nhưng N không trả. Do N mượn của bà nên đã trả cho bà nên tiền này không phải là tài sản của P chết để lại.

Đối với số tiền nợ Ngân hàng 30.000.000 đồng. Bà không đồng ý trả vì bà giao xe 05 chỗ cho T nên T chịu số tiền đó.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu:

- Việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký và thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Liêu Khả T2 khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết tranh chấp về chia thừa kế tài sản của ông Đỗ Hoài P chết để lại là xe máy và xe ô tô, do tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng bà trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị được chia đôi, phần còn lại chia làm 04 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản. Căn cứ khoản 5, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn bà Lê Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn A1 vắng mặt không có lý do, đại diện hợp pháp của trẻ Y là bà Liêu Khả T có đơn xin vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu phân chia các tài sản gồm: Xe Vison biển số 50Y1 - 033.19; Xe Vison biển số 59G2 - 466.66; Xe Cup 125 biển số 50Y1 - 538.95; Xe 05 chỗ hiệu Mazda CX5, biển số 51G-867.61. Do tất cả tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng bà T trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị được chia đôi.

Phần còn lại chia làm 04 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Liêu Khả T, trẻ Đỗ Phi Y, ông Đỗ Văn A1, bà Lê Thị C.

Bà T yêu cầu được nhận 01 xe 05 chỗ hiệu Mazda CX5, biển số 51G - 867.61, bà T sẽ hoàn trả lại tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế, các tài sản còn lại bà giao cho bà C được quyền sở hữu, bà C có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông A1 trị giá chênh lệch.

Hội đồng xét thấy:

- Về hàng thừa kế: Bà Liêu Khả T và ông Đỗ Hoài P kết hôn năm 2015, vợ chồng bà T, ông P có 01 người con tên Đỗ Phi Y (sinh năm 2015), ba mẹ ông P là ông Đỗ Văn A1 và bà Lê Thị C.

- Về nguồn gốc xe: Căn cứ văn bản số 2460/CAHM-CSGT-TT ngày 09/5/2022; Văn bản số 4228/CAHM-CSGT-TT ngày 15/5/2023 thì do ông Đỗ Hoài P là chủ sở hữu, do ông P đứng tên là chủ sở hữu trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là tài sản chung của vợ chồng bà T, ông P. Ông P chết không để lại di chúc định đoạt phần tài sản của mình nên phần tài sản của ông P trở thành di sản thừa kế và chưa chia.

- Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 07/8/2023 của Công ty cổ phần Đ thì tài sản có giá trị:

- Xe Vison biển số 50Y1 - 033.19: 12.733.247 đồng;

- Xe Vison biển số 59G2 - 466.66: 20.493.312 đồng;

- Xe Cup 125 biển số 50Y1 - 538.95: 55.764.214 đồng;

- Xe 05 chỗ hiệu Mazda CX5, biển số 51G-867.61: 435.014.063 đồng.

Tổng cộng tài sản tranh chấp có giá trị là: 524.004.836 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án án đã thu thập được, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể như sau: Xác định các tài sản gồm: Xe Vison biển số 50Y1 - 033.19, Xe Vison biển số 59G2 - 466.66, Xe Cup 125 biển số 50Y1 - 538.95, Xe 05 chỗ hiệu Mazda CX5, biển số 51G - 867.61 là tài sản chung của vợ chồng bà T và ông P nên chia đôi. Bà T được 524.004.836/2 = 262.002.418 đồng. Nữa phần còn lại được chia đều cho 4 kỹ phần bằng nhau (những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P) gồm: Bà T, trẻ Y, bà C, ông A1, mỗi người được hưởng 262.002.418 đồng/4 = 65.500.604 đồng. Như vậy bà T được hưởng tổng cộng 327.503.022 đồng. Bà C, ông A1, trẻ Y mỗi người được hưởng 65.500.604 đồng.

- Bà T yêu cầu được nhận xe 05 chỗ hiệu Mazda CX5, biển số 51G -867.61, giao các tài sản còn lại cho bà C, bà C cũng đồng ý giao xe cho bà T, do đó, Hội đồng chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà C, ông A1 giao 01 xe 05 chỗ hiêu Mazda CX5, biển số 51G-867.61 cho bà T, các tài sản còn lại gồm: Xe Vison biển số 50Y1 - 033.19, Xe Vison biển số 59G2 - 466.66, Xe Cup 125 biển số 50Y1 - 538.95 giao cho bà C được quyền sở hữu.

- Bà C có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông A1 là 23.490.169 đồng.

- Bà T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông A1 là 42.010.435 đồng.

- Bà T có trách nhiệm hoàn trả lại cho trẻ Y là 65.500.604 đồng. Tài sản này giao cho bà Liêu Khả T quản lý theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí và các chi phí tố tụng:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch tương ứng với giá trị phần di sản được hưởng. Cụ thể:

- Bà Liêu Khả T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền 327.503.022 đồng = 16.375.151 đồng.

- Bà Lê Thị C và ông Đỗ Văn A1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền 65.500.604 đồng = 3.275.030 đồng.

- Trẻ Đỗ Phi Y được miễn án phí theo quy định.

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 136, 213, 219, 609, 612, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, Điều 73, Điều 75 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Xác định Xe Vison biển số 50Y1 - 033.19; Xe Vison biển số 59G2 - 466.66; Xe Cup 125 biển số 50Y1 - 538.95; Xe 05 chỗ hiệu Mazda CX5, biển số 51G-867.61 là tài sản chung của vợ chồng bà T, ông P. Bà T, ông P mỗi người được chia ½ giá trị tài sản là: 524.004.836 đồng/2 = 262.002.418 đồng.

- Xác định phân nữa tài sản trị giá 262.002.418 đồng của ông P là di sản do ông P để lại.

Tài sản trên được chia cụ thể như sau:

- Bà Liêu Khả T được nhận trị giá tổng cộng là 327.503.022 (ba trăm hai mươi bày triệu, năm trăm lẻ ba ngàn, hai mươi hai) đồng.

- Bà C, ông A1, trẻ Y mỗi người được nhận trị giá là 65.500.604 (sáu mươi lăm triệu, năm trăm ngàn, sáu trăm lẻ bốn) đồng.

- Buộc bà C, ông A1 giao lại xe 05 chỗ hiệu Mazda CX5, biển số 51G-867.61 cho bà T được quyền sở hữu. Bà T có quyền liên hệ cơ quan chức năng xin cấp giấy chứng nhận đăng ký xe theo quy định. Bà T có trách nhiệm hoàn trả cho ông A1 số tiền 42.010.435 (bốn mươi hai triệu, mười ngàn, bốn trăm ba mươi lăm) đồng, bà T hoàn trả cho trẻ Y số tiền 65.500.604 (sáu mươi lăm triệu, năm trăm ngàn, sáu trăm lẻ bốn) đồng (số tiền này do mẹ ruột của trẻ Y là bà Liêu Khả T quản lý theo quy định của pháp luật).

- Giao xe Vison biển số 50Y1 - 033.19; Xe Vison biển số 59G2 - 466.66; Xe Cup 125 biển số 50Y1 - 538.95 cho bà C được toàn quyền sở hữu. Bà C có quyền liên hệ cơ quan chức năng xin cấp giấy chứng nhận đăng ký các xe trên theo quy định. Bà C có trách nhiệm hoàn trả cho ông A1 số tiền 23.490.169 (hai mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi ngàn, một trăm sáu mươi chín) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà T về việc yêu cầu chia bất động sản tọa lạc tại tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Liêu Khả T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.375.151 (mười sáu triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm năm mươi mốt) đồng. Bà T đã tạm nộp số tiền 9.500.000 đồng theo biên lai thu số 0039082 ngày 24/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà T còn phải nộp thêm 6.875.151 (sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn một trăm năm mươi mốt) đồng.

- Hoàn trả lại cho bà T số tiền 9.375.000 (chín triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0015423 ngày 05/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

- Bà Lê Thị C và ông Đỗ Văn A1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.275.030 (ba triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn ba mươi) đồng.

- Trẻ Đỗ Phi Y được miễn án phí theo quy định.

Nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá, nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phụng